

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em và Khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 207/2025/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của Chính phủ về quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3740/QĐ-BYT ngày 05/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em và lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh

thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 207/2025/NĐ-CP; Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và Nghị định số 148/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 379/TTr-SYT ngày 11 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em và Khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế, cụ thể:

1. Công bố 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em; 01 danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh và thay thế 01 danh mục thủ tục hành chính tại số thứ tự 23, mục I, phần A phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế.

(Có phụ lục I kèm theo)

2. Bãi bỏ 03 danh mục thủ tục hành chính tại số thứ tự 03, 04 mục X, phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 và 01 danh mục thủ tục hành chính tại số thứ tự 01 mục VI, phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế.

(Có Phụ lục II kèm theo)

3. Phê duyệt 02 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại Khoản 1 Điều này và thay thế 01 quy trình nội bộ tại số thứ tự 23, mục I, phần B phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế.

(Có Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, C.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục I

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em và Khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/____ của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em					
1	Đề nghị mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. 1.014527	10 ngày làm việc kể từ ngày cơ sở y tế xác nhận đủ điều kiện sức khỏe của các bên	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	- Nộp trực tiếp tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo; - Gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	Theo quy định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	- Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 (52/2014/QH13); - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 03/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến đăng ký hộ tịch; - Nghị định số 207/2025/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của Chính phủ về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo; - Quyết định số 3740/QĐ-BYT ngày 05/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế

						về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em và lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.
II	Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh					
1	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 1.012280	- Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - Trường hợp còn lại: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến.	- Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm: 750.000đ - Trường hợp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:	- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế; - Nghị định số 207/2025/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. - Thông tư số 57/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế quy định việc phân cấp, giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khám bệnh,

					1.150.000đ + Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng và Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 2.150.000 đồng - Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động: + Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương:	chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế; - Thông tư số 59/2023/TT- BTC ngày 30/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân; - Quyết định số 3740/QĐ-BYT ngày 05/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em và lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh.
--	--	--	--	--	---	---

					1.150.000 đồng + Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 2.150.000 đồng + Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 2.850.000 đồng + Bệnh viện: 5.250.000 đồng - Trường hợp giảm bớt danh mục kỹ thuật: 0 đồng	
--	--	--	--	--	---	--

Phụ lục II**Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
1	1.003448	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm	- Quyết định số 3740/QĐ-BYT ngày 5/12/2025 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em và lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 207/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế.
2	1.008681	Đề nghị thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm	- Quyết định số 3740/QĐ-BYT ngày 5/12/2025 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em và lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 207/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
3	1.008685	Đề nghị mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	- Quyết định số 3740/QĐ-BYT ngày 5/12/2025 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em và lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 207/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế.

Phục lục III**Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em và lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế***(Ban hành kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/____ của Chủ tịch UBND tỉnh)***1. Thủ tục: Đề nghị mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.****- Tổng thời gian: 07** ngày làm việc kể từ ngày cơ sở y tế xác nhận đủ điều kiện sức khỏe của các bên.

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Nộp hồ sơ đề nghị mang thai hộ theo quy định.	Cặp vợ chồng đề nghị mang thai hộ	Hồ sơ tiếp nhận	Ngay khi nộp
B2	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Cơ sở KBCB	Phiếu tiếp nhận hoặc yêu cầu bổ sung	0,5 ngày
B3	Khám sức khỏe, đánh giá điều kiện các bên	Cơ sở KBCB	Hồ sơ khám & văn bản xác nhận	3,5 ngày
B4	Trả lời bằng văn bản nếu không đủ điều kiện sức khỏe.	Cơ sở KBCB	Văn bản từ chối, nêu rõ lý do	02 ngày
B5	Thông báo kết quả đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật	Cơ sở KBCB	Kết quả giải quyết thủ tục	01 ngày
	Tổng thời gian thực hiện:			07 ngày

2. Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian giải quyết: 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ: - Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử; - Chuyển hồ sơ về Sở Y tế để xem xét, giải quyết.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Scan hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ Y dược	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
B3	Thẩm định, thụ lý hồ sơ	Công chức Phòng Nghiệp vụ Y dược	Dự thảo văn bản đầu ra	09 ngày
B4	Hoàn thiện hồ sơ trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt	Lãnh đạo Phòng Nghiệp vụ Y dược	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B5	Phê duyệt kết quả thủ tục hành chính	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày
B6	Vào sổ văn bản, lưu hồ sơ, chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Y tế tại TTPVHCC	Văn thư Sở	Văn bản đầu ra	01 ngày
B7	- Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức - Đính kèm kết quả là văn bản do Sở Y tế phát hành	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Văn bản đầu ra	0,5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày